4 Write each programme in the correct column.

Film Documentary Cartoon

1	2	3
find out	adventure	funny
space	exciting	drawings
animals	actors	play a trick
information	story	for children

3 Match. /4

1 I use my MP3 player [C]	a to talk to a friend.
2 He bought a pizza [ ]	b to make a video.
3 She used her mobile phone [ ]	c to listen to music.
4 I used my camcorder [ ]	d to change the TV channel.
5 We use the remote control [ ]	e to eat for dinner.

1.	a. started	b. requested	c. demanded	d. worked
2.	a. leaded	b. finished	c. watched	d. launched

LIVEWORKSHEETS

3.	a. enjoyed	b. faxed	c. happened	d. joined
4.	a. corrected	b. landed	c. interested	d. asked
5.	a. shared	b. reserved	c. borrowed	d. attracted
6.	a. informed	b. entertained	c. stopped	d. installed
7.	a. improved	b. changed	c. stayed	d. produced (đuôi "ce" đọc là "s")
8.	a. phoned	b. invested	c. participated	d. corrected
9.	a. waked	b. talked	c. needed	d. walked
10.	a. matched	b. travelled	c. studied	d. prepared

4 Complete the dialogue.

/4

to talk to make to listen ~~mobile phone~~ to take

Jess Hi, Tom. Is that your new [1] mobile phone ?

Tom Yes, it's great. It's got a camera, so I can use it [2] _____ photos.

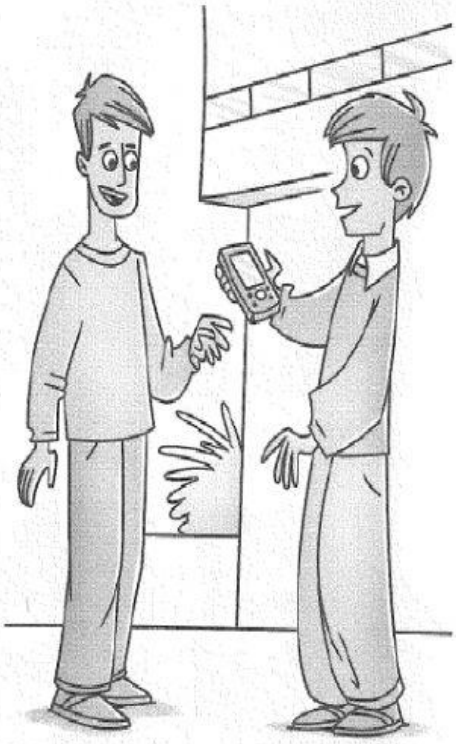
Jess That's great!

Tom Yes. And it's got a radio, so I can use it [3] _____ to my favourite music.

Jess Wow! Can you use it [4] _____ videos?

Tom Yes, I can! Have you got a mobile phone?

Jess Yes, but I use it [5] _____ to my friends!



LIVEWORKSHEETS

- lots of: **Thường Dùng trong câu khẳng định và nghi vấn.** Đi với danh từ đếm được số nhiều và không đếm được
- Much: **Thường dùng trong câu hỏi và câu phủ định**, câu khẳng định được dùng ít hơn. Đi với danh từ không đếm được
- Some: **dùng trong câu khẳng định, nghi vấn(chỉ khi mang ý nghĩa lời mời, lời đề nghị).** Đi với danh từ đếm được số nhiều và không đếm được
- Any: **Dùng trong câu phủ định, câu hỏi.** Đi với danh từ đếm được số nhiều và không đếm được

2 Complete the sentences. much many /5

1 How _much_ time have we got?

2 She hasn't got _____ pencils.

3 How _____ water have we got?

4 There aren't _____ passengers at the airport.

5 How _____ pens has he got?

6 We haven't got _____ luggage.

3 Circle the correct words. /5

1 I've got **some** / **any** / **many** money.

2 Have you got **some** / **much** / **any** magazines?

3 Julie hasn't got **some** / **many** / **much** food.

4 They haven't got **any** / **some** / **much** coins.

5 Adam hasn't got **many** / **some** / **lots of** suitcases.

6 You've got **some** / **any** / **many** luggage.

____ /15

LIVEWORKSHEETS